

Án số: 150/2017/HSST
Ngày 20 tháng 9 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Tiến Thịnh;

2. Ông Phạm Đức Toàn.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên
tòa:*** Ông Trần Mạnh Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 130/2017/HSST ngày 10 tháng 8 năm 2017, quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2017/QĐXX-ST ngày 08 tháng 9 năm 2017, đối với bị cáo

Họ và tên: **VŨ HUY D**, sinh ngày 07 tháng 4 năm 1960.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 88, Tổ 19, phường Đ, thành phố B, tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: Số nhà 41, Tổ 26, phường Bò Xuyên, thành phố B, tỉnh Thái Bình;

Không nghề nghiệp; Trình độ văn hóa: 4/10.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Con ông Vũ Văn C (đã chết), con bà Nguyễn Thị M (đã chết).

Từng chung sống như vợ chồng với chị Vũ Thị H, sinh năm 1954 và có 02 con: Con lớn sinh năm 1981, con nhỏ sinh năm 1984. Hiện không rõ nơi cư trú của chị Vũ Thị Hồng và 02 con.

Trước khi bị bắt, chung sống như vợ chồng với chị Nguyễn Thị Lùn (tức Thom), sinh năm 1955 tại số nhà 41, Tổ 26, phường Bồ Xuyên, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

*** Tiền án, tiền sự:** Không.

*** Nhân thân:**

- Bản án số 02/HS ngày 26/12/1978 của Tòa án quân sự quân khu 3, xử phạt VŨ HUY D03 năm tù về tội “Đào ngũ, rủ người khác đào ngũ”, thời hạn tính từ ngày 02/12/1978, đuổi khỏi quân đội.

- Bản án số 41/1997/HSST ngày 20/6/1997 của Tòa án nhân dân thị xã Thái Bình (nay là thành phố B), xử phạt 24 tháng tù về tội “Tổ chức dùng chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 04/5/1997. Chấp hành xong hình phạt tù tháng 5/1999 và chấp hành xong án phí ngày 17/3/2004.

- Bản án số 12/2003/HSST ngày 24/01/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, xử phạt 42 tháng tù về tội “Vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Thời hạn tù tính từ ngày 16/8/2002. Chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm ngày 12/4/2004.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/6/2017 đến ngày 12/6/2017 chuyển tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt.

Người làm chứng:

- Anh Đào Mạnh H, sinh năm 1984; Trú tại số nhà 384, Tổ 27, phường K, thành phố B, tỉnh Thái Bình. (Vắng mặt).

- Anh Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1971; Trú tại số nhà 367, Tổ 26, phường K, thành phố B, tỉnh Thái Bình. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 09/6/2017, tại khu vực ngã tư đường Phan Bá Vành và đường Ngô Thị Nhậm, thuộc Tổ 39, phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Vũ Huy D bị tổ công tác Công an phường Kỳ Bá bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Trước sự chứng kiến của anh Đào Mạnh H,

sinh năm 1984; Trú tại số nhà 384, Tổ 27, phường K, thành phố B, tỉnh Thái Bình và anh Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1971; Trú tại số nhà 367, Tổ 26, phường K, thành phố B, tỉnh Thái Bình, D tự giác giao nộp từ lòng bàn tay trái cho tổ công tác 01 gói bên ngoài được gói bằng giấy trắng có dòng kẻ, bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng cục, D khai nhận là hêrôin, D mua 01 của một người nam giới khoảng 35 tuổi, không biết tên, địa chỉ ở khu vực đường P, Tổ 38, phường K, thành phố Thái Bình với giá 100.000 đồng để sử dụng cho bản thân.

Kiểm tra người D, tổ công tác thu tại túi quần bên phải của D đang mặc 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen và số tiền 10.000 đồng

Tại bản Kết luận giám định số 221/KLGĐ-PC54 ngày 09/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Mẫu gửi giám định thu của Vũ Huy D là ma túy, loại Hêrôin, có trọng lượng **0,3465 gam** (*không phải ba nghìn bốn trăm sáu mươi lăm gam*).

Tại cáo trạng số 137/KSĐT ngày 09 tháng 8 năm 2017, Viện kiểm sát nhân D thành phố Thái Bình truy tố bị cáo Vũ Huy D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Vũ Huy D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; Căn cứ vào những chính sách có lợi cho bị cáo do thay đổi chính sách pháp luật của Nhà nước theo Nghị quyết số 41/2015/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 18 tháng đến 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 09/6/201. Do bị cáo tàng trữ ma túy để sử dụng cho bản thân, không có mục đích lợi nhuận nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đề nghị tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy hoàn trả sau giám định; Trả lại bị cáo 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen, đã cũ và số tiền 10.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án;

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo đồng ý với quan điểm truy tố của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, xử lý vật chứng và không có ý kiến, tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, bị cáo trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm được trở về với xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về hành vi tàng trữ **0,3465 gam** (*không phải ba nghìn bốn trăm sáu mươi lăm gam*) heroin của Vũ Huy D mục đích để sử dụng cho bản thân thấy tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự quy định: "*Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm*".

Căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 Quốc Hội về việc áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội thì quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 so với với quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" có mức hình phạt nhẹ hơn, cụ thể:

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

....

c, Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR -11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

Tại phiên tòa hôm nay , bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra , truy tố, phù hợp với các tài liệu , chứng cứ như : Biên bản bắt người phạm tội quả tang (bút lục từ số 03 đến 06); Biên bản niêm phong vật chứng (bút lục số 25); Bản kết luận giám định số 221/KLGD – PC 54 ngày 09/6/2017 (bút lục số 28); Bản tự khai và biên bản ghi lời khai của những người làm chứng là anh Đào Mạnh H và anh Nguyễn Ngọc L (bút lục từ số 31 đến 36); Cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo Vũ Huy D là người trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình . Tuy nhận thức được tác hại của ma túy , nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý vẫn thực hiện nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân.

Hành vi phạm tội của bị cáo D là nguy hiểm cho xã hội , đã xâm phạm quy định quản lý chất gây nghiện của Nhà nước.

Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 như Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố.

Xem xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ , tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy:

Bị cáo là người có nhân thân xấu do đã từng đào ngũ khỏi Q uân đội nhân dân Việt Nam và nhiều lần bị Tòa án đưa ra xét xử, tuy không còn án tích nhưng cũng thể hiện bị cáo là người khó tiếp thu sự giáo dục, cải tạo. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần quyết định hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo , cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nh ất định, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và cũng là để phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử xét: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 còn quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.*”

Xét bị cáo là người nghiện ma túy, tàng trữ ma túy với mục đích sử dụng, không vì mục đích vụ lợi, vì vậy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

Số ma túy thu giữ được của bị cáo là vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành nên áp dụng điểm c khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen, đã cũ và số tiền 10.000 đồng là tài sản hợp pháp của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên áp dụng khoản 3 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại bị cáo.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Về quyền kháng cáo Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Về nguồn gốc số heroin bị cáo khai mua của một người đàn ông khoảng 35 tuổi, không quen biết, ở khu vực đường Phan Bá Vành, thuộc Tổ 38, phường Kỳ Bá, thành phố B, tỉnh Thái Bình. Qua điều tra, xác minh, không xác định được cụ thể người bán ma túy cho bị cáo nên không đủ căn cứ để xử lý

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Vũ Huy D phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy.*”

2. Hình phạt : Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Vũ Huy D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/6/2017.

3. Về xử lý vật chứng : Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự ; Điều 41 Bộ luật hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy hoàn trả sau giám định là 0,3173 gam hêrôin được niêm phong trong phong bì số 221/KLGĐ.

- Trả lại bị cáo 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen, đã cũ và số tiền 10.000 đồng.

(Số vật chứng trên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B ngày 09/8/2017)

4. Về án phí : Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Vũ Huy D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo : Bị cáo VŨ HUY D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 20/9/2017.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Nhà tạm giữ Công an TP. Thái Bình/Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Công an thành phố Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu bộ phận HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thu Hiền